

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm xuống vùng 1,070 – 1,075 ngay khi vừa mở cửa. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy tại đây khá lớn đã giúp chỉ số thu hẹp đà giảm và quay lên giằng co trong vùng 1,100 – 1,120. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,094.3 điểm, giảm gần 40 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này đã quay lại mua ròng nhẹ trên cả ba sàn. Trong thời gian tới, diễn biến cuộc đàm phán thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ ảnh hưởng tới VN-Index, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 09/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-38.49** điểm, đóng cửa tại **1094.3** điểm. HNX-Index **-8.46** điểm, đóng cửa tại **192.58** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.86)**, **VHM (+1.57)**, **SAB (+0.49)**, **VRE (+0.29)**, **LPB (+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-6.40)**, **CTG (-2.74)**, **HPG (-2.35)**, **GAS (-2.05)**, **BID (-1.76)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **30,304** tỷ đồng, tăng **32.74%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,377 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 67.74 điểm. Thị trường có **133** mã tăng, 51 mã tham chiếu, **351** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **247.96** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (397.76 tỷ)**, **FPT (249.98 tỷ)**, **TCB (146.43 tỷ)**, **GEX (89.24 tỷ)**, **SSI (84.43 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **68.10** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-4.76%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VHM (+3.19%)** ([Link báo cáo](#))
 - FPT (+0.19%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-5.21%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - BMP (+6.94%)**
 - SAB (+3.52%)**
 - VIC (+3.45%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-4.76%	-5.21%	-3.40%	-2.41%
1 tuần	-16.96%	-16.69%	-16.96%	-15.12%
1 tháng	-20.23%	-19.71%	-17.74%	-15.99%
3 tháng	-16.63%	-12.85%	-12.16%	-10.84%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,094.30	192.58	84.41
% 1D	-3.40%	-4.21%	-0.11%
GTGD (tỷ VND)	30,304	1,625	854
%1D	32.74%	37.11%	-17.52%
GDNN (tỷ VND)	247.96	68.10	6.83

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	397.76	VCB	-261.22
FPT	249.98	MBB	-242.39
TCB	146.43	MSN	-133.80
GEX	89.24	VHM	-123.75
SSI	84.43	STB	-105.17

Thị trường thế giới

	%D	%W
SPX	-1.57%	-11.54%
FTSE100	-2.68%	-10.57%
Eurostoxx	-3.25%	-12.56%
Shanghai	1.31%	-4.83%
Nikkei	-3.78%	-11.09%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	60.19	-4.18%
Giá vàng	3,046	1.96%

Tỷ giá

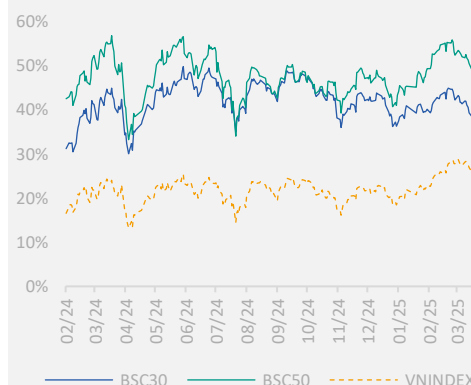
	Giá trị	%
USD/VND	26,182	0.16%
EUR/VND	29,477	0.90%
JPY/VND	183	1.10%

Lãi suất

	Giá trị	%
LS TPCP 10Y	3.1%	0.00%
LS LNH 1M	4.1%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1175.00	-0.57%	428	-16.2%	9/18/2025	162
VN30F2504	1178.00	-0.04%	580,281	53.2%	4/17/2025	8
VN30F2505	1173.90	-0.69%	2,050	37.6%	5/15/2025	36
VN30F2506	1170.40	-1.91%	615	6.6%	6/19/2025	71

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -28.83 điểm, đóng cửa tại 1168.68 điểm. Biên độ dao động 86.83 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MWG, STB, HDB, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật lên trên tham chiếu trong phiên sáng nhưng ngay lập tức chìm trong sắc đỏ cho đến lúc đóng cửa. Diễn biến bất ngờ trong sáng nay cho thấy thị trường đang phản ứng rất nhạy với bất kỳ tín hiệu tích cực nào từ tiến trình đàm phán. Bên cạnh đó, tâm lý bắt đáy đã sẵn sàng – nhà đầu tư chỉ còn chờ một lực đẩy đủ mạnh và đúng thời điểm để hành động. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2405	4/28/2025	19	85,600	-86.33%	1.90	280	133.3%	8.05	2.46	18.00	18.00
CHPG2502	9/26/2025	170	42,000	-72.58%	2.75	1,030	106.0%	6.20	5.84	21.30	21.30
CVPB2408	4/28/2025	19	2,819,100	-86.58%	2.10	20	100.0%	6.93	2.14	15.95	15.95
CTPB2403	5/14/2025	35	144,900	-83.76%	1.75	50	66.7%	3.32	1.90	11.70	11.70
CTPB2405	6/30/2025	82	100	-80.34%	1.90	100	66.7%	2.46	2.30	11.70	11.70
CVHM2407	4/28/2025	19	565,100	-86.19%	4.90	450	55.2%	10.90	6.70	48.50	48.50
CVIB2406	7/28/2025	110	282,400	-82.89%	1.90	250	47.1%	3.77	2.90	16.95	16.95
CFPT2501	7/28/2025	110	79,300	-83.29%	16.00	160	45.5%	8.95	17.60	105.30	105.30
CTPB2501	6/30/2025	82	43,500	-83.16%	1.77	200	42.9%	9.95	1.97	11.70	11.70
CFPT2505	1/9/2026	275	176,300	-79.30%	15.80	600	36.4%	9.01	21.80	105.30	105.30
CVRE2502	5/26/2025	47	74,900	-80.22%	1.70	930	34.8%	8.16	3.56	18.00	18.00
CVNM2406	7/28/2025	110	326,400	-85.92%	6.85	120	33.3%	11.40	7.32	52.00	52.00
CMWG2502	5/26/2025	47	592,200	-85.62%	6.00	130	30.0%	8.06	6.65	46.25	46.25
CVIB2501	5/26/2025	47	68,100	-86.67%	2.00	130	30.0%	7.48	2.26	16.95	16.95
CVPB2506	10/6/2025	180	1,400	-82.45%	2.02	390	30.0%	6.99	2.80	15.95	15.95
CTCB2501	7/28/2025	110	99,900	-78.90%	2.40	1,290	27.7%	10.62	4.98	23.60	23.60
CMSN2404	7/28/2025	110	124,500	-83.18%	7.90	140	27.3%	10.63	8.46	50.30	50.30
CMSN2502	5/26/2025	47	1,180,000	-84.49%	7.30	100	25.0%	8.61	7.80	50.30	50.30
CVHM2504	6/30/2025	82	63,300	-80.52%	4.45	2,500	25.0%	22.05	9.45	48.50	48.50
CACB2404	7/28/2025	110	427,900	-82.84%	2.50	310	24.0%	4.83	3.74	21.80	21.80

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 09/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2405 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 133.33%. CVHM2501 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.93%.
- CVHM2503, CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CFPT2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2403, CFPT2402, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	57.00	3.45%	2.17
VHM	48.50	3.19%	1.53
LPB	31.50	0.96%	0.83
SSB	19.30	1.58%	0.58
VRE	18.00	2.86%	0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	21.30	-6.99%	-5.04
MWG	46.25	-5.90%	-3.07
STB	33.10	-4.89%	-2.94
HDB	18.20	-5.94%	-2.73
MSN	50.30	-6.85%	-2.62

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	57.00	3.45%	1.86	3.82
VHM	48.50	3.19%	1.57	4.11
SAB	44.10	3.52%	0.49	1.28
VRE	18.00	2.86%	0.29	2.27
LPB	31.50	0.96%	0.22	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

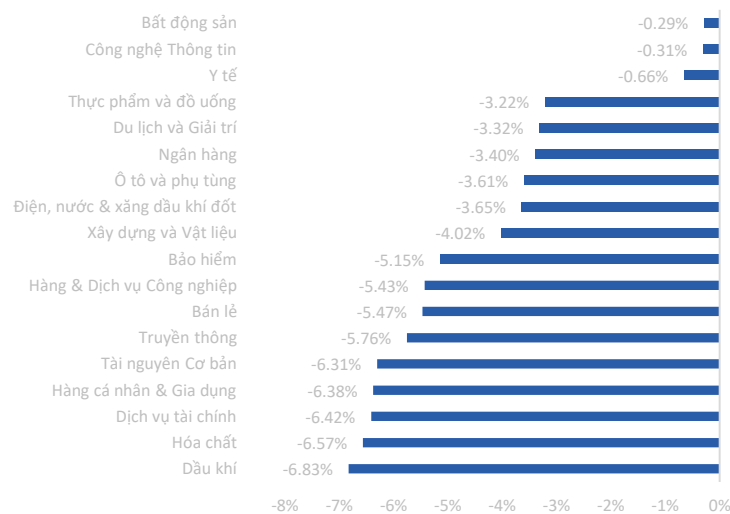
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	16.20	5.88%	0.21	0.35
VFS	17.20	7.50%	0.10	0.12
MVB	22.50	4.17%	0.06	0.11
BAB	10.00	1.01%	0.06	0.96
NTP	54.60	1.11%	0.05	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BWE	42.35	6.94%	0.16	0.93
BMP	114.10	6.94%	0.16	0.43
BTT	38.80	6.89%	0.01	0.00
PTB	51.30	6.88%	0.06	1.31
DHM	6.98	6.73%	0.00	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NFC	24.50	9.87%	0.13	0.00
SMT	7.90	9.72%	0.01	0.01
AME	4.90	8.89%	0.10	0.02
SGC	117.80	8.87%	0.26	0.00
HKT	8.90	8.54%	0.02	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	52.50	-5.91%	-6.40	8.36
CTG	33.80	-6.11%	-2.74	5.37
HPG	21.30	-6.99%	-2.35	6.40
GAS	50.80	-6.96%	-2.05	2.34
BID	32.45	-3.13%	-1.76	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

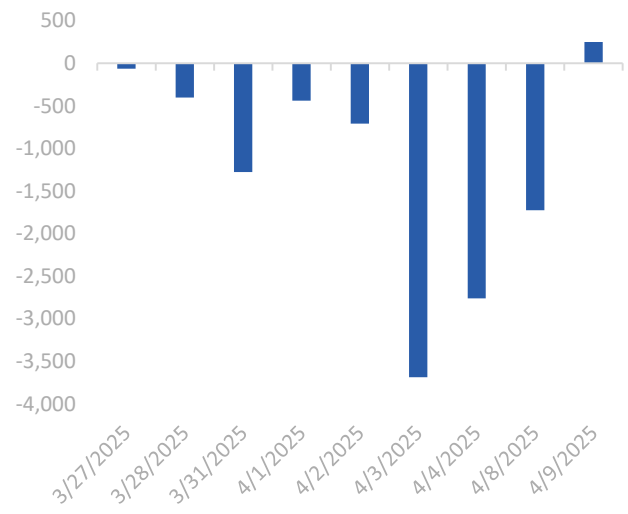
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	208.20	-9.99%	-2.59	0.20
KSF	61.30	-8.92%	-1.02	0.30
IDC	34.30	-9.97%	-0.70	0.33
MBS	22.30	-8.23%	-0.65	0.57
PVI	54.00	-8.01%	-0.63	0.23

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BMC	18.60	-7.00%	0.00	0.22
CKG	13.95	-7.00%	-0.02	0.13
CMV	7.44	-7.00%	0.00	0.00
FUEIP100	8.37	-7.00%	0.00	0.00
KSB	13.95	-7.00%	-0.03	3.17

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	208.20	-9.99%	-14.55	0.03
IDC	34.30	-9.97%	-3.95	2.45
IDV	22.60	-9.96%	-0.32	0.07
BKC	61.60	-9.94%	-0.25	0.01
KDM	15.40	-9.94%	-0.04	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	46.3	-5.9%	1.4	67,594	1042.0	2,544	18.2		46.3%	
KBC	Bất động sản	22.2	-6.9%	1.5	17,002	31.5	498	44.5		18.7%	
KDH	Bất động sản	24.3	-6.9%	1.3	24,520	30.9	863	28.1		35.8%	
PDR	Bất động sản	15.1	-6.8%	1.7	13,141	141.8	191	78.9	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	48.5	3.2%	0.8	199,209	1182.2	7,349	6.6	58,200	12.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	105.3	0.2%	0.9	154,904	1917.8	5,371	19.6	163,000	42.4%	Link
BSR	Dầu khí	14.6	-6.7%	0.0	45,112	136.8	204	71.5		0.3%	
PVS	Dầu khí	21.4	-9.7%	1.4	10,228	310.7	2,238	9.6	40,300	16.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.7	-6.9%	1.5	17,063	629.1	1,571	15.1		42.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	20.6	-6.8%	1.3	40,415	1534.8	1,536	13.4		37.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	32.1	-7.0%	1.4	23,015	669.4	1,537	20.9		29.6%	
DCM	Hóa chất	25.2	-5.3%	1.3	13,341	162.3	2,682	9.4	41,100	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	73.1	-7.0%	1.5	27,762	472.2	7,864	9.3	111,400	15.2%	Link
ACB	Ngân hàng	21.8	-1.6%	0.9	97,373	849.8	3,759	5.8		29.9%	
BID	Ngân hàng	32.5	-3.1%	1.0	227,843	211.1	3,637	8.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	33.8	-6.1%	1.2	181,506	607.2	4,720	7.2		26.8%	
HDB	Ngân hàng	18.2	-5.9%	1.1	63,610	683.3	3,667	5.0		17.1%	
MBB	Ngân hàng	20.7	-1.2%	1.1	126,012	1244.3	3,729	5.5	26,300	22.8%	Link
MSB	Ngân hàng	10.0	-2.0%	1.2	26,000	271.4	2,123	4.7	14,000	27.4%	Link
STB	Ngân hàng	33.1	-4.9%	1.0	62,401	1048.8	5,351	6.2		21.5%	
TCB	Ngân hàng	23.6	-1.5%	1.1	166,731	1007.6	3,054	7.7	31,400	22.4%	Link
TPB	Ngân hàng	11.7	-1.7%	1.1	30,911	417.8	2,298	5.1	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	52.5	-5.9%	0.8	438,673	491.7	4,049	13.0		22.7%	
VIB	Ngân hàng	17.0	-2.6%	1.1	50,496	208.4	2,424	7.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.0	-1.9%	1.0	126,546	882.9	1,989	8.0	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.3	-7.0%	1.3	136,240	1661.3	1,879	11.3	37,500	21.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.3	-6.7%	1.6	8,228	115.1	935	14.2	22,700	7.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	22.0	-7.0%	1.5	7,346	379.4	2,712	8.1	31,000	2.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	50.3	-6.9%	1.3	72,349	682.6	1,345	37.4		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	52.0	-4.6%	0.7	108,678	527.8	4,494	11.6		49.6%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	28.8	-6.96%	1.6	6,301	80.2	2,042	14.1	18.7%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	124.1	-4.69%	0.9	16,908	143.3	2,331	53.3	32.0%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	39.1	-6.90%	1.2	29,025	65.8	2,843	13.8	26.6%	9.6%	
DIG	Bất động sản	15.0	-6.85%	1.8	9,117	44.4	188	79.6	2.3%	1.5%	
DXG	Bất động sản	12.3	-6.82%	1.6	10,711	512.5	350	35.1	20.1%	2.6%	Link
HDC	Bất động sản	21.0	-6.89%	1.4	3,737	84.4	384	54.6	3.0%	3.1%	
HDG	Bất động sản	19.7	-6.86%	1.5	6,626	115.9	1,036	19.0	19.5%	5.8%	
IDC	Bất động sản	34.3	-9.97%	1.5	11,319	84.7	6,049	5.7	20.3%	37.7%	
NLG	Bất động sản	26.0	-6.82%	1.5	9,993	167.1	1,346	19.3	37.6%	5.4%	Link
SIP	Bất động sản	64.5	-6.93%	0.0	13,579	20.1	5,584	11.6	6.0%	29.5%	
SZC	Bất động sản	31.4	-6.97%	1.4	5,643	15.0	1,809	17.3	2.6%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	14.4	-6.82%	1.4	9,589	271.8	1,466	9.8	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	57.0	3.45%	0.8	217,949	741.6	3,069	18.6	9.2%	9.5%	
VRE	Bất động sản	18.0	2.86%	0.8	40,902	439.0	1,802	10.0	19.6%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	28.9	-6.94%	1.4	6,096	57.6	1,478	19.5	36.0%	11.4%	
PLX	Dầu khí	31.0	-6.92%	1.1	39,325	83.5	2,274	13.6	17.5%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	16.7	-6.98%	1.3	9,255	106.4	1,255	13.3	8.1%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	38.1	-6.96%	1.7	11,656	389.1	1,869	20.4	29.8%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	22.3	-8.23%	1.6	12,773	189.0	1,583	14.1	6.9%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	50.8	-6.96%	1.0	119,008	147.1	4,439	11.4	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9.9	-6.76%	1.2	23,255	165.5	475	20.9	3.8%	3.5%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.0	-0.33%	0.9	28,732	120.4	4,237	14.4	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	79.1	-4.24%	0.7	42,841	69.1	2,632	30.1	12.8%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	-6.83%	1.4	17,575	479.7	1,910	10.7	10.4%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.2	-6.95%	1.3	17,732	58.3	4,611	9.2	40.8%	13.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.1	-6.92%	1.1	5,852	98.7	4,408	10.2	11.4%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.6	-7.00%	1.3	6,622	112.6	3,071	6.1	11.9%	15.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.7	-6.93%	0.0	12,264	47.0	3,146	32.0	6.6%	24.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	62.8	-6.96%	1.2	21,220	241.7	6,300	10.0	47.5%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.8	-6.87%	1.0	2,832	1.5	2,710	10.3	49.8%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.6	-9.88%	1.6	1,790	11.7	2,568	5.7	16.5%	17.4%	
DPM	Hóa chất	27.9	-5.59%	1.1	10,899	153.6	1,374	20.3	8.4%	4.8%	Link
GVR	Hóa chất	24.0	-6.99%	1.6	95,800	11.0	997	24.0	0.8%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	15.6	-6.87%	1.1	29,058	633.7	1,786	8.7	3.7%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.5	0.96%	0.6	94,099	167.0	3,254	9.7	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	15.6	0.97%	0.0	21,412	16.1	2,702	5.8	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	9.6	0.42%	1.0	23,622	46.2	1,287	7.4	19.4%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.5	-6.91%	1.7	5,125	99.5	1,367	8.4	5.6%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	12.4	-6.77%	1.5	3,302	38.7	180	69.0	0.5%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	28.2	0.72%	0.6	8,558	150.5	1,535	18.3	4.3%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.1	3.52%	0.7	56,561	150.6	3,376	13.1	59.4%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	47.2	-6.90%	1.4	10,594	20.1	5,463	8.6	24.3%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	114.1	6.94%	0.9	9,340	47.5	12,103	9.4	82.7%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	64.3	-6.95%	1.5	6,425	155.5	3,734	17.2	48.8%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	73.9	-6.93%	1.3	8,453	148.5	4,705	15.7	7.6%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.2	-6.95%	1.6	2,659	62.3	3,553	11.9	7.2%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	10.0	-4.31%	1.3	4,323	103.3	987	10.1	6.6%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	18.5	-6.58%	1.2	6,598	66.5	1,307	14.1	16.0%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	18.2	-5.70%	1.3	10,894	259.9	1,548	11.8	6.5%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	36.7	-6.98%	1.4	16,432	15.1	2,464	14.9	5.7%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chínhTầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879**Trung tâm Phân tích nghiên cứu**hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108**Đối với Khách hàng tổ chức**hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659**Đối với Khách hàng cá nhân**i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660Website: <http://www.bsc.com.vn>